TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **117**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28/7/2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Lê Vinh Hương
2. Bà Trương Thị Bích Hiệp

Thư ký phiên toà: Bà Sầm Thị Thanh Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2020/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lương Thị Th**, sinh năm 1985
Nơi cư trú: Xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
(Có mặt)

Bị đơn: Anh **Lữ Văn T**, sinh năm 1985
Nơi cư trú: Xóm N, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
Hiện nay anh T đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số 1, tỉnh Nghệ An (xã Ngh, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An).
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và tại biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Lương Thị Th bày: Chị và anh Lữ Văn T kết hôn vào ngày 29/11/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Lộc, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chịu khó làm ăn, nghiện hút ma túy và thường hay chửi bới, đánh đập chị. Từ tháng 3/2019 anh T đi cai nghiện ma túy bắt buộc thời gian 02 năm tại Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số 1, tỉnh Nghệ An. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc và tương lai về sau, do đó chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Tài được ly hôn.

Chị và anh T có 02 người con chung là Lữ Minh Đ, sinh ngày 23/9/2006 và Lữ Tiến Đ, sinh ngày 30/7/2010. Ly hôn, chị yêu cầu được giao nuôi các con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con.

Chị và anh T thỏa thuận tự chia tài sản cho nhau. Do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại bản tự khai ngày 19/6/2020, bị đơn anh Lữ Văn T trình bày: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Th trình bày là đúng. Thời gian anh đi cai nghiện ma túy bắt buộc thì chị Th có thăm nom anh và thông báo với anh về việc ly hôn. Anh không biết lý do vì sao chị Th xin ly hôn, tuy nhiên chị Th đã cương quyết xin ly hôn thì anh không níu kéo nữa. Anh đồng ý ly hôn chị Th.

Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Đ và Đ như chị Thu trình bày. Nếu ly hôn anh yêu cầu được giao nuôi các con. Nếu được giao nuôi con, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn hiện nay đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số 1, tỉnh Nghệ An và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử: Về hôn nhân: Cho chị Th được ly hôn anh T; Về con chung: Giao con chung Lữ Minh Đ, sinh ngày 23/9/2006 và Lữ Tiến Đ, sinh ngày 30/7/2010 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T. Về tài sản: Chị Th, anh T không yêu cầu giải quyết nên đề

nghị không xem xét; Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lữ Văn T có hộ khẩu thường trú tại xóm N, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Hôn nhân của chị Th và anh T là hôn nhân hợp pháp, đảm bảo về điều kiện kết hôn và được đăng ký theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay anh T đang cai nghiện ma túy bắt buộc, do đó quá trình giải quyết vụ án Toà án đã phân tích, động viên chị Th nhưng chị Th vẫn một mực xin ly hôn, tại phiên toà chị Th vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu đó. Xét thấy hôn nhân của chị Th, anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Th được ly hôn anh T.

Về con chung: Ly hôn, chị Th và anh T đều có nguyện vọng được giao nuôi các con chung. Xét thấy, hiện nay anh T đang cai nghiện ma túy bắt buộc, chị Th đang trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Chị Th có các điều kiện đảm bảo cho việc học tập, giáo dục con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức. Các con chung cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, căn cứ quyền lợi mọi mặt của các con chung, chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao các con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

Về tài sản chung: Chị Th và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với anh Lữ Văn T, hiện nay đang cai nghiện ma túy bắt buộc nên không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, thuộc trường hợp vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 điều 228 BLTTDS để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T.

[4] Về án phí: Chị Lữ Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Th được ly hôn anh Lữ Văn T.

Về con chung: Giao con chung Lữ Minh Đ, sinh ngày 23/9/2006 và Lữ Tiến Đ, sinh ngày 30/7/2010 cho chị Lương Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lữ Văn T.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lương Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000,đ chị Lương Thị Th đã nộp theo biên lai thu số 0001646 ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳ Hợp.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Quỳ Hợp;
- THADS huyện Quỳ Hợp;
- UBND xã Yên Lộc;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thị Thu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân | Chủ tọa phiên toà

Trương Thị Thu Hà

Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:[2].....//...../.....
Ngày:[3] .....-.....-.....
V/v tranh chấp[4].....

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN [5].....

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:[6]
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)……..
Thẩm phán: Ông (Bà) .....
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông (Bà).....
2. Ông (Bà).....
3. Ông (Bà).....
- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà)……..……[7]
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân[8]..... *tham gia phiên toà:*
Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.
Trong các ngày..... tháng..... năm.....[9] tại .....
xét xử sơ thẩm công khai[10] vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....[11]
ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....[12]
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày.....
tháng..... năm..... giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn:[13].....
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:[14] .....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:[15].....
2. Bị đơn:[16].....
Người đại diện hợp pháp của bị đơn:[17].....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:[18] .....
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):[19].....
Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[20].....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[21] .....
4. Người làm chứng[22] .....
5. Người giám định:[23].....
6. Người phiên dịch:[24] .....

NỘI DUNG VỤ ÁN: [25]

.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:[26]

[1] .....
[2] .....
[3] .....
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào……[27] .....
[28]: .....
.....[29]

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Nghệ An;
-VKSND huyện Quỳ Hợp;
- THA huyện Quỳ Hợp;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Quán Vi Tuấn